

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Xuân Định.

2. Bà: Pờ Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu tham gia phiên Tòa: Ông Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2021, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Thông báo mở phiên tòa xét xử vụ án số: 05/2021/TB - TA ngày 06 tháng 09 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vàng Văn K, sinh năm 1996.

- Địa chỉ, nơi cư trú: Bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1997.

- Địa chỉ, nơi cư trú: Bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Vàng Văn K trình bày: Anh và chị Lò Thị P tự nguyện yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nậm K, huyện Mường T, tỉnh Lai C. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh ở bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó giữa anh và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mọi sinh hoạt gia đình bị đảo lộn, tình

cảm vợ chồng rạn nứt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh đi làm công nhân thủy điện thường xuyên vắng nhà, chị P ở nhà chăm con nhưng không chịu khó làm ăn, khi mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại, anh em bạn bè khuyên bảo, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hiện tại chị P đã tự ý bỏ nhà ra đi làm công nhân ở tỉnh Bắc N, không rõ địa chỉ cụ thể, không liên lạc được với nhau. Về con chung, anh và chị P có 01 con chung, hiện đang sống chung với anh và ông bà nội ở bản Nậm H, xã Mường T, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh xác nhận do chị P đã bỏ nhà ra đi không còn quan tâm tình cảm vợ chồng và con, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị P và nuôi con như đã trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường T với đại diện của Hội phụ nữ xã Mường T, trưởng bản Nậm H và ông Vàng Văn T (*Là bố đẻ của anh Khen*), cho thấy: Vợ chồng anh K và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau. Nguyên nhân là chị P bỏ nhà đi làm công nhân không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến chồng và con, tình cảm vợ chồng rạn nứt, khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên bảo. Hiện tại chị P không có mặt ở địa phương từ năm 2019 cho đến nay, khả năng đoàn tụ được giữa anh K và chị P là rất khó.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án (Các điều 51, 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 260). Nguyên đơn anh Vàng Văn K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lò Thị P đã được tòa án triệu tập, tuy nhiên chị P vắng mặt nhiều lần không có lý do, trốn tránh không hợp tác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa hôm nay chị P không có mặt theo giấy triệu tập. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Anh Vàng Văn K và chị Lò Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên do chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 7 năm 2019, hiện tại mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau và đều có nguyện vọng giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K là có căn cứ và đúng pháp luật. Về con chung anh K và chị P có một con chung, sau khi ly hôn anh K xin được nuôi con, khi ly hôn chị P cũng nhất trí giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, do đó cần giao con chung cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh K và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vàng Văn K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị P; Về con chung giao con cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng; Về án phí anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Vàng Văn K và chị Lò Thị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C.

[2]. *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, cho đến khi mở phiên tòa xét xử lần hai, chị P đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không thông báo địa chỉ, nơi ở cụ thể cho Tòa án và gia đình, chồng con biết, hiện tại không còn liên lạc được. Căn cứ Điều 39 và Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P là đúng quy định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vàng Văn K và chị Lò Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Nậm K, huyện Mường T, tỉnh Lai C vào ngày 15/12/2015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị P bỏ nhà đi làm công nhân ở tỉnh Bắc N từ tháng 7/2019, vợ chồng sống ly thân, chị P không còn quan tâm đến chồng và con, anh K xác nhận cuộc sống chung không thể kéo dài, xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của anh K là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

[4]. *Về con chung:* Anh K xác nhận giữa anh và chị P có 01 con chung là Vàng Hải A, sinh ngày 15/07/2016, hiện đang sống cùng với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con. Xét thấy con còn nhỏ và hiện đang sống với anh K, trong bản tự khai ngày 22/04/2021 chị P cũng đồng ý giao con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nên cần thiết giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng con để ổn định cuộc sống.

Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh K, chị P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị P thực hiện các quyền và nghĩa vụ này.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh K xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai chị P xác nhận là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết, tại phiên tòa anh K cũng xác nhận là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Anh Vàng Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tòa án; Về giải quyết nội dung vụ án; Điều luật áp dụng là đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 39 và Điều 40 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vàng Văn K được ly hôn với chị Lò Thị P.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Vàng Hải A, sinh ngày 15/07/2016 cho anh Vàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vàng Văn K không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên không giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Vàng Văn K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000603 ngày 22/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường T, tỉnh Lai C.

6. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè;
- CCTHADS huyện Mường Tè;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Tè (*Để niêm yết*);
- UBND xã Nậm Khao (*Để niêm yết*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lò Xuân Hải